

Số: 5293/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ...10... tháng 11... năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê chuẩn Điều lệ Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề
thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ II (2011-2016)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/TT-BNV ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 24/10/2008 của UBND Thành phố Hà Nội về việc đổi tên Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề tỉnh Hà Tây thành Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội tại Công văn số 08/HHTCMN ngày 10/4/2011 và Giám đốc Sở Công thương tại Công văn số 3241/SCT-VP ngày 13/10/2011 về việc phê chuẩn Điều lệ Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Điều lệ Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ II (2011-2016) gồm 08 Chương, 27 Điều do Đại hội Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2011.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Công thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Như điều 2;
- CT, PCT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Lưu VT, NC, VH-KG, SNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHỤ CHỦ TỊCH
Handwritten signature


Nguyễn Thị Bích Ngọc

ĐIỀU LỆ

Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ II (2011-2016)

*Ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 10.../.../2011
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội*

CHƯƠNG I

TÊN GỌI- TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: **Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội.**
2. Tên tiếng Anh: Hanoi Association of handicrafts fine arts and craft villages
3. Tên viết tắt bằng tiếng Anh: HACRAFT.
4. Biểu tượng: Hội được chọn biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội (gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tập hợp đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp, thợ thủ công mỹ nghệ, các làng nghề, phố nghề, các nhà nghiên cứu, quản lý, cá nhân đang hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ và làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Với mục đích đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ để tạo thành công trong hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ của mỗi hội viên nói riêng, đồng thời xây dựng hội phát triển và phát triển bền vững, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; xây dựng đội ngũ hội viên ngày càng phát triển, có năng lực cạnh tranh, năng lực lãnh đạo, đạo đức, văn hóa kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ và làng nghề; phạm vi hoạt động trong địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được UBND Thành phố phê chuẩn; chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Công thương, các sở, ban, ngành có liên quan về lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội

Hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm về kinh phí; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; không vì mục đích lợi nhuận, tuân thủ hiến pháp và pháp luật.

Điều 5. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và được mở tài khoản để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở của Hội tại Cung Trí thức - lô D25 khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội để tập hợp, đoàn kết, phát triển hội viên, xây dựng hội ngày càng vững mạnh về tổ chức, đồng thời hoạt động đúng hướng, chất lượng, hiệu quả.

2. Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động của hội và tổ chức thực hiện.

3. Liên kết các hội viên để hợp tác trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tạo thành mạng lưới hoạt động đồng bộ có đủ tầm cỡ, qui mô, đối trọng với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển hiện nay.

4. Xây dựng, quảng bá và nâng cao thương hiệu, uy tín của hội và hội viên, thông qua các hoạt động tổ chức hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm, quảng cáo và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Lập diễn đàn trao đổi kinh nghiệm thông tin giữa các hội viên, nghiên cứu, tập hợp ý kiến của hội viên để phản ánh, kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền các vấn đề về chính sách, pháp luật nhằm phát triển ngành thủ công mỹ nghệ và làng nghề của Thành phố.

6. Hỗ trợ hội viên phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư và hợp tác thông qua các hình thức:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức các khóa đào tạo thích hợp giúp hội viên nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý sản xuất kinh doanh; dịch vụ, đạo đức và văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội và hội nhập;

b) Hỗ trợ hội viên trong việc chuyển giao công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và sản xuất sản phẩm mới;

c) Hỗ trợ hội viên trong việc đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và phát triển quan hệ kinh doanh trong nước và nước ngoài thông qua các biện pháp chấp môi và giới thiệu bạn hàng, cung cấp thông tin, hướng dẫn và tư vấn;

d) Cung cấp các thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến ngành thủ công mỹ nghệ cũng như các thông tin về kinh tế, khoa học, công nghệ, quản lý, hội nhập và phát triển cho hội viên.

7. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên khi xảy ra tranh chấp thương mại trong và ngoài nước; hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp và hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa các hội viên.

8. Tiếp nhận và thực hiện nguồn hỗ trợ, tài trợ hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định pháp luật; thực hiện nguồn hỗ trợ, các chương trình, dự án của cơ quan nhà nước về lĩnh vực hoạt động của hội để phục vụ cho tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của hội.

2. Được quyền đàm phán, ký kết hợp đồng với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của hội, phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của hội; tham gia và tổ chức các sự kiện, các hội nghị, hội thảo trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thủ công mỹ nghệ và làng nghề.

3. Đại diện cho hội viên trong việc tư vấn, tham mưu và đề xuất, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động của hội; tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo có liên quan do các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi Chính phủ trong nước và quốc tế tổ chức.

4. Được cung cấp thông tin, tài liệu và ấn phẩm hợp pháp về cơ chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội.

5. Được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tham khảo ý kiến trong việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, làng nghề.

6. Đề xuất ý kiến, kiến nghị giải quyết các trường hợp, vụ việc gây thiệt hại, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội, của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

7. Thực hiện các quyền hạn khác theo qui định của pháp luật.

8. Được gây quỹ hội trên cơ sở hội phí đóng góp của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, các nguồn tài trợ hợp pháp của các cá nhân, tổ chức để tự trang trải về kinh phí hoạt động của hội và giúp đỡ hội viên.

9. Được thành lập các tổ chức pháp nhân trực thuộc hội; điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 11/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 8. Nghĩa vụ

1. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã Hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường ba mươi ngày (30 ngày), Ban Chấp hành hội phải có văn bản báo cáo với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Công thương. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

3. Hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Công thương và các sở, ban, ngành liên quan, đảm bảo thời gian, chất lượng và báo cáo công khai trong Hội.

4. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

5. Thực hiện hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp và hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa các hội viên; thực hiện giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật trong nội bộ hội theo Điều lệ hội và quy định pháp luật; báo cáo kết quả giải quyết, xử lý với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Công thương.

6. Thực hiện tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và báo cáo việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đối với các cơ quan chức năng của Thành phố.

7. Việc sử dụng kinh phí của hội phải chấp hành quy định của pháp luật. Kinh phí thu được phải dành cho hoạt động của hội theo quy định của điều lệ hội, không được chia cho hội viên. Hàng năm hội phải báo cáo quyết toán tài

chính theo quy định của Nhà nước gửi Sở Tài chính và UBND Thành phố, các sở, ban, ngành có liên quan.

8. Thực hiện quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ, bao gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, các đơn vị trực thuộc hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội-viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, các tài liệu liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành, của hội và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của hội.

b) Xác định thời hạn lưu giữ và hủy tài liệu hồ sơ đã hết thời hạn, đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

CHƯƠNG III

HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên, tiêu chuẩn Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức, Hội viên danh dự và Hội viên liên kết.

2. Hội viên chính thức: Là doanh nhân, doanh nghiệp, thợ tiểu thủ công mỹ nghệ, làng nghề, phố nghề, nhà nghiên cứu, nhà quản lý, công dân Việt Nam đang hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ và làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội (kể cả đại diện, chi nhánh thuộc các tổ chức, doanh nghiệp của các địa phương khác đóng trên địa bàn Hà Nội) tự nguyện tham gia, tán thành điều lệ Hội, đóng hội phí, được Ban Chấp hành Hội xét kết nạp là Hội viên chính thức.

3. Hội viên danh dự: Là các tổ chức, cán bộ lãnh đạo, chuyên gia, công dân Việt Nam có uy tín, có khả năng và nhiệt tình đóng góp xây dựng Hội và được Ban Chấp hành Hội mời tham dự.

4. Hội viên liên kết: Là các tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam không đủ tiêu chuẩn trở thành Hội viên chính thức, đang sinh sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên phạm vi toàn quốc, với tinh thần tự nguyện giúp đỡ về tài chính, công sức, trí tuệ, tán thành điều lệ Hội, được Ban Chấp hành Hội xét kết nạp là Hội viên liên kết.

5. Hội viên liên kết và Hội viên danh dự được hưởng các quyền như Hội viên chính thức, trừ các quyền ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội và tham gia giải quyết các vấn đề nội bộ của Hội.

6. Các cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện muốn gia nhập Hội phải làm đơn (theo mẫu quy định); đóng hội phí và chính thức thành Hội viên sau khi được cấp thẻ sinh hoạt. Thẻ Hội viên có giá trị kể từ ngày ký, phù hợp theo nhiệm kỳ Hội.

Điều 10. Quyền của Hội viên

1. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

2. Được thảo luận, biểu quyết các chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội; được kiến nghị, đề đạt ý kiến về hoạt động nghề nghiệp của mình với các cơ quan Nhà nước thông qua Hội.

3. Được ứng cử, đề cử và bầu cử vào Ban Chấp hành và các chức vụ khác của Hội.

4. Được Hội phổ biến kinh nghiệm, bồi dưỡng nghề nghiệp, nâng cao trình độ thông qua các hình thức cung cấp thông tin, tài liệu, tham dự Hội thảo, các lớp đào tạo, huấn luyện, tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm liên quan đến hoạt động của Hội.

5. Được nhận thông tin, ấn phẩm hợp pháp theo định kỳ do Hội cung cấp và các thông tin chuyên đề khác theo yêu cầu hợp pháp của Hội viên. Được Hội giúp đỡ, giới thiệu với các cơ sở trong và ngoài ngành để ký kết, thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tư vấn; được Hội hỗ trợ, giúp đỡ trong hoạt động kinh tế đối ngoại, tham quan, khảo sát, tham gia các Hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước theo qui định của Hội.

6. Được hỗ trợ, giúp đỡ trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế; được giới thiệu tên và các thông tin của Hội viên trên website của Hội, có liên kết trực tiếp tới trang website của Hội viên (nếu có).

7. Được Hội giúp đỡ, hỗ trợ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến sản xuất, kinh doanh trong phạm vi khả năng, quyền hạn của Hội; được hưởng sự trợ giúp của các tổ chức, cá nhân đối với Hội; được đề nghị Hội giúp đỡ, hưởng dịch vụ của Hội với điều kiện ưu đãi.

8. Được Hội xem xét, hỗ trợ khi gặp khó khăn, thiên tai, rủi ro; được khen thưởng về những thành tích đóng góp chung cho Hội.

9. Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia.

Điều 11. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết, Quy chế, quy định của Hội; tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và sinh hoạt của Hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; giữ gìn và bảo vệ sự đoàn kết và uy tín của Hội.

2. Tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề: kế hoạch, chương trình hoạt động và các biện pháp tổ chức thực hiện, các vấn đề về nhân sự của Hội để xây dựng Hội ngày càng phát triển và vững mạnh.

3. Luôn coi trọng và gìn giữ sự đoàn kết, thống nhất trên tinh thần thẳng thắn, trung thực và bình đẳng vì quyền lợi tập thể; khiêm tốn và thường xuyên tự trau dồi kiến thức, nâng cao kiến thức chuyên môn.

4. Không được lợi dụng danh nghĩa của hội để tiến hành các hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn thất cho hội viên và uy tín của Hội. Hội viên tự chịu trách nhiệm trước mọi hành động vi phạm luật pháp Nhà nước.

5. Hội viên có trách nhiệm tích cực tuyên truyền phát triển Hội viên, giới thiệu Hội viên mới, tuyên truyền, quảng bá sâu rộng, đóng hội phí gia nhập (1 lần) và hội phí hàng năm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của hội.

6. Cung cấp cho Ban Chấp hành Hội (khi thấy cần thiết) những thông tin có liên quan đến hoạt động của Hội để Hội có thông tin phục vụ cho các hoạt động của Hội.

Điều 12. Thẻ thức vào Hội, ra Hội

1. Kết nạp Hội viên:

a) Tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có đủ điều kiện trở thành Hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có đơn tự nguyện đăng ký tham gia Hội gửi cho Hội, đồng thời đóng lệ phí và Hội phí năm. Ban Thường vụ Hội xét đơn và đề nghị Chủ tịch Hội quyết định việc kết nạp.

b) Tổ chức và doanh nghiệp có đủ điều kiện trở thành Hội viên chính thức, muốn gia nhập Hội thì người đại diện của tổ chức phải làm đơn xin gia nhập hội kèm theo bản sao quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc đăng ký kinh doanh gửi cho hội, đồng thời đóng lệ phí và hội phí năm. Ban thường vụ Hội xét đơn và đề nghị Chủ tịch hội quyết định việc kết nạp.

2. Thẻ thức xin ra khỏi Hội

a) Hội viên xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục là Hội viên của Hội, phải làm đơn xin ra khỏi Hội và gửi tới Ban Chấp hành Hội.

b) Quyền lợi và tư cách của Hội viên xin ra khỏi Hội được chấm dứt từ thời điểm nộp đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành, trừ trường hợp Hội viên đó chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính đó tính đến thời điểm nộp đơn. Hội viên xin ra khỏi Hội phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Hội vào thời điểm nộp đơn xin ra khỏi Hội.

Điều 13. Chấm dứt tư cách Hội viên

Tư cách Hội viên sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hội viên là cá nhân chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; Hội viên là pháp nhân bị giải thể hoặc bị phá sản; bị kỷ luật hoặc truy tố trước pháp luật; bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động;

2. Hội viên nộp đơn xin ra khỏi Hội.

3. Theo quyết định của 3/4 số ủy viên Ban Chấp hành tán thành nếu Hội viên vi phạm một trong các nguyên nhân sau:

a) Hoạt động trái với mục đích của Hội, gây tổn hại đến uy tín hoặc tài chính của Hội.

b) Không thực hiện đúng hoặc vi phạm nghiêm trọng những qui định, nghị quyết của Hội.

4. Hội giải thể theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 14. Tổ chức của Hội gồm:

1. Đại hội toàn thể hội viên hoặc đại hội đại biểu;
2. Ban Chấp hành Hội (gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên).
3. Ban kiểm tra Hội.
4. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Hội.

Điều 15. Đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên và Đại hội bất thường

1. Đại hội nhiệm kỳ (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành triệu tập. Nhiệm kỳ đại hội 5 năm/1 lần.

b) Đại hội đại biểu được tổ chức trong trường hợp có số lượng từ 300 hội viên trở lên, có thể tiến hành theo hình thức đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu bao gồm các đại biểu do Hội nghị Hội viên tại khu vực bầu. Số lượng và cơ cấu đại biểu do Ban Chấp hành qui định theo tỷ lệ hội viên ở các khu vực. Các hội viên tiến hành bầu đại biểu và thông báo bằng văn bản cho Ban Chấp hành ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Hội.

2. Hội nghị thường niên được tổ chức 12 tháng 1 lần để tổng kết đánh giá hoạt động của Hội trong năm.

3. Đại hội bất thường do Ban Chấp hành triệu tập theo đề nghị của ít nhất 2/3 ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc ít nhất trên 1/2 Hội viên chính thức đề nghị. Đại hội được tiến hành để giải quyết những vấn đề cấp bách về tổ chức,

hoạt động của Hội hoặc những vấn đề quan trọng khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành.

4. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu chỉ được phép tiến hành khi được coi là hợp lệ với điều kiện có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

5. Nội dung chủ yếu quyết định tại Đại hội nhiệm kỳ

a) Tổng kết đánh giá hoạt động của Đại hội trong nhiệm kỳ, bàn và quyết định phương hướng hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới.

b) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có).

c) Giới thiệu, đề cử và bầu cử Ban Chấp hành, Ban kiểm tra, cử đại biểu tham dự Đại hội cấp trên (nếu có).

đ) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn hoạt động của Hội; thảo luận, thông qua quyết toán tài chính nhiệm kỳ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới.

6. Nguyên tắc hoạt động tại Đại hội

a) Về triệu tập Hội:

- Khi triệu tập Đại hội nhiệm kỳ, Ban Chấp hành phải công bố chương trình nghị sự, quyết định về số lượng và cơ cấu đại biểu và hướng dẫn bầu đại biểu nếu tiến hành theo hình thức Đại hội đại biểu, ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội;

- Khi triệu tập Đại hội bất thường, Ban Chấp hành phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội bất thường ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Hội.

b) Về biểu quyết:

- Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

- Việc biểu quyết thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) Hội viên chính thức có mặt tán thành.

- Trường hợp vắng mặt, đại biểu được quyền gửi ý kiến tham gia bằng văn bản và có giá trị như đại biểu có mặt tại Hội. Cách thức, nội dung, thông tin gửi xin ý kiến đối với đại biểu vắng mặt do Ban Chấp hành Hội quy định đảm bảo tính khách quan, trung thực, đầy đủ.

Điều 16. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành

a. Cơ cấu tổ chức:

- Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định, được bầu trực tiếp bằng phiếu kín hoặc biểu quyết bằng giơ tay.

- Ban Chấp hành bầu Ban thường vụ, số lượng ủy viên thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Ban thường vụ gồm Chủ tịch, các phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các Ủy viên thường trực.

b. Ban Chấp hành họp thường kỳ 6 tháng một lần để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Hội, bàn bạc và quyết định các giải pháp cần thiết để thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội. Khi cần thiết, Ban Chấp hành có thể họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Hội nhưng phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị.

c. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội;
- Quyết định chương trình công tác về kế hoạch, kinh phí hàng năm của Hội, quy định mức phí gia nhập, hội phí và cách thu phí;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Hội, thành lập các cơ quan, đơn vị thuộc Hội theo thẩm quyền;
- Bầu Chủ tịch, các Phó chủ tịch, tổng thư ký và các ủy viên Ban Chấp hành. Trong quá trình hoạt động, nếu vì nhiều lý do khác nhau, số ủy viên Ban Chấp hành không còn đủ như quy định của Hội, Ban Chấp hành có thể bầu bổ sung số ủy viên thiếu (trong số các hội viên chính thức của Hội) nhưng không vượt quá 1/3 số lượng ủy viên Ban Chấp hành mà Hội quy định;
- Xây dựng ban hành theo thẩm quyền Quy chế hoạt động, Quy chế quản lý tài chính, quy chế khác theo quy định;
- Xét miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xóa tên hội viên; giải quyết kiến nghị, khiếu nại của hội viên.

2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Cuộc họp của Ban Chấp hành được xem là hợp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành tham dự. Biểu quyết trong Ban Chấp hành theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì Hội nghị;

b) Việc biểu quyết theo nguyên tắc quá bán (trên 1/2 số ủy viên có mặt). Riêng đối với các vấn đề quan trọng sau đây, phải được ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành có mặt thông qua:

- Miễn nhiệm một số thành viên trong Ban Chấp hành;

- Các vấn đề liên quan đến Hội viên;
- Các vấn đề về tổ chức của Hội.

Điều 17. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký

1. Chủ tịch Hội là Chủ tịch Ban chấp hành do Ban chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban chấp hành. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội như sau :

- a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, là chủ tài khoản của Hội;
- b) Tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của Hội, các Quyết định của Ban chấp hành;
- c) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành;
- d) Ký các văn bản về việc phê chuẩn, kết nạp, khai trừ, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các hội viên, những văn bản thỏa thuận, hợp tác hợp pháp quan trọng với các tổ chức trong và ngoài nước sau khi đã được Ban chấp hành thông qua và có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực ngành.
- e) Chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành Hội và toàn thể hội viên về hoạt động của Hội.

2. Các Phó Chủ tịch Hội do Ban chấp hành bầu, hoạt động theo sự phân công của Chủ tịch. Phó Chủ tịch thường trực thay mặt điều hành hoạt động của Hội khi Chủ tịch vắng mặt hoặc phải nghỉ vì lý do sức khỏe, các lý do khác.

3. Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội cử ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành có nhiệm vụ, quyền hạn:

- a) Thường trực giải quyết các công việc của Hội theo phân công của Chủ tịch Hội; phụ trách Văn phòng Hội, chịu trách nhiệm trước Hội, trước Ban Chấp hành Hội và trước pháp luật về mọi hoạt động của Văn phòng Hội.
- b) Xây dựng Quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, Quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành Hội phê duyệt.
- c) Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Hội và Văn phòng Hội; tham mưu giúp Ban Chấp hành lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ Hội.
- d) Quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội.
- e) Chuẩn bị các cuộc họp của Ban Thường trực, Ban Chấp hành Hội, các hội nghị, hội thảo do Hội tổ chức và tổ chức triển khai các hoạt động khác theo nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội.

f) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tịch Hội.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm 3 thành viên, trưởng ban, phó trưởng ban và ủy viên do Đại hội bầu ra trong số các hội viên của Hội. Trưởng ban kiểm tra là ủy viên Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ; Nghị quyết của Hội, Ban Chấp hành;

b) Kiểm tra tư cách Hội viên;

c) Kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, tài sản và báo cáo kết quả trước Chủ tịch hội, Ban Chấp hành, hội nghị hàng năm và trước Hội.

d) Tiếp nhận, xem xét, kiến nghị với Ban Chấp hành giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên và nhân dân có liên quan đến hội viên và tổ chức Hội.

e) Báo cáo kết quả hoạt động giám sát, kiểm tra trong các kỳ họp của Ban Chấp hành hội;

f) Có quyền yêu cầu Ban Chấp hành tổ chức phiên họp bất thường, hoặc tổ chức Đại hội bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội.

Chương V

GIẢI THỂ, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT

Điều 19. Giải thể hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp:

a) Tự giải thể;

b) Do cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể.

2. Hội tự giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn hoạt động;

b) Theo đề nghị và biểu quyết thông qua của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;

c) Mục đích của Hội đã hoàn thành.

3. Trình tự và thủ tục khi Hội tự giải thể sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo quy định tại Điều 27, Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể hội có hiệu lực.

4. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- a) Hội không hoạt động liên tục 12 tháng;
- b) Khi có nghị quyết của Hội về việc hội tự giải thể mà Ban chấp hành hội không chấp hành;
- c) Hoạt động của Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 20. Thanh quyết toán tài sản, tài chính

Tài sản, tài chính và các khoản nợ tồn đọng của Hội khi giải thể sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Hội

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Hội sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các vấn đề về tài sản, quyền và lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ và các vấn đề tài chính khác của hội viên liên quan đến hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Hội sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 22. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, lấy thu bù chi.
2. Thực hiện thu, chi theo Quy chế quản lý tài chính của Hội, Quy chế hoạt động của Hội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 23. Quản lý tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội
 - a) Tiền hội phí của các hội viên;
 - b) Các nguồn thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
 - c) Các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - d) Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (nếu có);
2. Các khoản chi của Hội gồm:
 - a) Chi cho các hoạt động thường xuyên của Hội;
 - b) Các khoản chi cần thiết khác phục vụ hoạt động của Hội.
3. Việc quản lý tài chính của Hội phải được thực hiện theo chế độ thống nhất, theo Quy chế quản lý tài chính do Ban chấp hành Hội quy định; tuân thủ

các quy định của pháp luật về kế toán thống kê. Các khoản thu, chi của Hội phải tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, được phản ánh trên hệ thống sổ sách kế toán theo quy định, thực hiện báo cáo công khai tại hội nghị thường kỳ hàng năm của Ban chấp hành Hội, cũng như trước Đại hội toàn thể hội viên.

4. Cán bộ thực hiện nghiệp vụ kế toán của Hội phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn để giúp Chủ tịch Hội thực hiện hoạt động quản lý tài chính của Hội đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

Hội viên có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển ngành thủ công mỹ nghệ thành phố Hà Nội của Hội được Ban chấp hành Hội quyết định khen thưởng hàng năm hoặc đề nghị các cơ quan nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức và Hội viên của Hội vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, hoạt động trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, bỏ sinh hoạt thường kỳ nhiều lần không có lý do chính đáng, không đóng Hội phí,... tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị nhắc nhở, phê bình, khiển trách, cảnh cáo, xóa tên khỏi danh sách Hội viên hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo qui định pháp luật.

2. Hội viên bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Hội phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Hội khi còn là hội viên.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu của Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ và phải được UBND Thành phố Hà Nội phê chuẩn.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Bản Điều lệ này có 08 Chương, 27 Điều đã được Đại hội đại biểu của Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ II (2011-

2016) nhất trí thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2011 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND thành phố Hà Nội phê chuẩn./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

The image shows an official seal of the Hanoi City People's Committee (Ban Quản Đạo Thành Phố Hà Nội) with a handwritten signature in black ink over it. The seal is circular and contains the text 'BAN QUẢN ĐẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI' around the perimeter and a central emblem. The signature is written in a cursive style.

Nguyễn Thị Bích Ngọc

www.LuatVietnam.vn